TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN O **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 339/2023/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 23 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN O-TP.HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 202/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Phương K, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Đường số M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Đường số M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các biên bản tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1]. Hôn nhân giữa Bà Trần Phương K và Ông Nguyễn Hoàng H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z cấp ngày 12/8/2005.

[2]. Theo đơn yêu cầu ghi ngày 10/02/2023 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/3/2023, Bà Trần Phương K và Ông Nguyễn Hoàng H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung, cấp dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

[3]. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, Bà Trần Phương K và Ông Nguyễn Hoàng H thật sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung, về tài sản chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Phương K và Ông Nguyễn Hoàng H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z cấp ngày 12/8/2005 hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 14/12/2005 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 08/5/2007. Hai bên thỏa thuận giao cho Bà Trần Phương K trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, Ông Nguyễn Hoàng H cấp dưỡng nuôi 02 con chung 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình nuôi dưỡng trên cơ sở vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên cha, mẹ của trẻ, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà Trần Phương K và Ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số A ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O. Bà K, ông H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND quận O;
- Chi cục THADS quận O;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Z;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Đức